TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS - PT
Ngày: 22 - 3 - 2022
V/v: "Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Đinh Tiến Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiển Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐ - PT ngày 09/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 125 QL, tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 125 QL, tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hà Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn XC, xã QP, huyện ƯH, thành phố Hà Nội (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/6/2021); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Trung D, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

+ Anh Lê Quang Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 125 QL, tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D, anh Tr là chị Hà Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn XC, xã QP, huyện ƯH, thành phố Hà Nội (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/6/2021); có mặt.

+ Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1956; địa chỉ: Ngõ 133, tổ 6, phường Mi, thành phốPL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Anh Đỗ Trung K, sinh năm 1974.

+ Chị Nguyễn T.Tha.., sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K là chị Nguyễn T.Tha.., sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 1, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/6/2021); có mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam; địa chỉ trụ sở: Đường Biên Hòa, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quốc B; chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố PL. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố PL (theo giấy ủy quyền số 948/GUQ-UBND ngày 20/7/2021); vắng mặt.

+ Văn phòng Công chứng Lê L. Địa chỉ trụ sở: ĐườngLD, tổ 9, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Li..; chức vụ: Trưởng Văn phòng.

+ Bà Lê Thị Li.. - Công chứng viên; địa chỉ: Văn phòng Công chứng Lê L, ĐườngLD, tổ 9, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Lê Nguyên H và bà Bùi Thị X là vợ chồng hợp pháp, có 04 người con, gồm: chị Lê Thị Thu Th, anh Lê Trung D, anh Lê Quang Tr và anh Lê Văn T.. (anh T.. chết năm 2002, chưa có vợ con). Ông Lê Nguyên H và bà Bùi Thị X không có con nuôi, con riêng.

Ông Lê Nguyên H chết năm 2005, không để lại di chúc. Khối tài sản của ông H, bà X là thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, thời điểm đó có 55m^2 đất thổ cư. Ngày 03/7/2006 UBND thị xã Phủ Lý (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị X là 125,5m^2 tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Thời điểm ông H còn sống, trên đất chỉ

có một căn nhà cấp 4 khoảng 40m^2 đã xuống cấp, mục nát, chật chội không sử dụng được. Sau khi ông H chết, đến năm 2017 bà X xây dựng 01 căn nhà hai tầng trên toàn bộ thửa đất này. Hiện nay nhà và các công trình trên đất vẫn còn nguyên như xây dựng năm 2017, không bổ sung và phát triển thêm. Các anh em chị Th không xây dựng và đóng góp vào tài sản trên đất. Hiện nay bà X là người quản lý, sử dụng tài sản này.

Ngày 04/01/2021, bà Bùi Thị X đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho anh Đỗ Trung K theo hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 04/01/2021 tại Văn phòng Công chứng Lê L, tỉnh Hà Nam.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án chia di sản của ông H để lại theo pháp luật là 1/2 giá trị diện tích đối với 55m^2 đất được UBND thị xã Phủ Lý cấp năm 2000 tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam vì đây là tài sản chung của ông Lê Nguyên H, bà Bùi Thị X trong thời kỳ hôn nhân. Về công sức đóng góp, quản lý di sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Năm 2005 ông Lê Nguyên H chết. Năm 2006 thửa đất này được UBND thị xã Phủ Lý (nay là thành phố PL) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X.Về nguồn gốc thửa đất, việc xây dựng nhà ở như chị Lê Thị Thu Th trình bày là đúng.

Năm 1988 gia đình bà được sử dụng thửa đất số 08 tờ bản đồ 15 tổng diện tích 195m^2 tại bản đồ xã Liêm C, thành phố Phủ Lý đứng tên ông Lê Nguyên H nhưng đất thuộc quyền quản lý của UBND xã Liêm C. Theo biên bản giao đất ngày 07/6/2000 của UBND thị xã Phủ Lý đã giao cho hộ gia đình ông Lê Nguyên H 55m^2 đất làm nhà ở theo quyết định số 334 ngày 21/4/2000 của UBND tỉnh Hà Nam. Đến ngày 03/7/2006 UBND thành phố PL ra quyết định số 177 phê duyệt phương án xử lý đất cho bà X, do đó diện tích đất 55m^2 được tăng diện tích đất thêm 70,5m^2 có nộp tiền xử lý tăng diện tích.

Do ông Lê Nguyên H chết năm 2005 nên năm 2006 UBND thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL709611 tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam mang tên bà Bùi Thị X. Bà X đã ở trên thửa đất này nhưng vì căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, chật chội nên năm 2017 bà đã phá bỏ và xây dựng nhà hai tầng mới để ở. Các con của bà X không có ai xây dựng, phát triển tài sản cũng không có công sức đóng góp vào khối tài sản này. Bà X không yêu cầu tính công sức quản lý, trông nom di sản thừa kế. Bà yêu cầu chia 55m^2 đất (được cấp tại thời điểm năm 2000 đến năm 2005) tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Đây là tài sản chung của bà và ông H trong thời kỳ hôn nhân.

Nay chị Lê Thị Thu Th có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Nguyên H để lại là 1/2 giá trị của 55m^2 đất được cấp năm 2000 theo quy định của pháp luật, bà X hoàn toàn đồng ý, bà xin hưởng bằng hiện vật và sở hữu, sử dụng nhà và đất, thanh toán trả cho những người khác bằng tiền.

- Về việc tăng diện tích đất 70,5m^2 của thửa đất số 220 tờ bản đồ 06 địa chỉ phường M, thành phố PL và tài sản trên đất hiện nay là tài sản riêng của bà X nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về việc xây dựng nhà trên thửa đất này các con bà và cụ Xuy.. không có công sức đóng góp, tôn tạo gì trên đất nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/01/2021 giữa bà X và anh Đỗ Trung K tại Văn phòng Công chứng Lê L tỉnh Hà Nam. Bà X và anh K thỏa thuận tự hủy hợp đồng và giải quyết hậu quả của hợp đồng đó không đề nghị Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được các đương sự sẽ đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng này bằng một vụ án khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị Thu H, anh Lê Trung D, anh Lê Quang Tr và người đại diện theo ủy quyền có quan điểm như sau:

- Ý kiến của anh Tr, anh D: Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về nguồn gốc thửa đất, ông Lê Nguyên H chết năm 2005 không để lại di chúc; nhất trí với ý kiến của bà Bùi Thị X về diện tích đất tăng thêm tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 tại phường M, thành phố PL. Bà X đã nộp tiền sử dụng đất phần diện tích tăng thêm; tài sản trên thửa đất này do bà X xây dựng, các anh không có công sức đóng góp, trông nom, quản lý. Hiện tại nhà, đất bà X đang quản lý, sử dụng, các anh đề nghị giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của ông Lê Nguyên H là 1/2 giá trị của diện tích 55m^2 đất được cấp năm 2000. Kỷ phần của các anh được hưởng bao nhiêu thì các anh xin nhận và xin hưởng bằng tiền, để lại cho bà X nhận bằng hiện vật là nhà và đất.

- Bà Lê Thị Thu H trình bày: Bố bà là cụ Lê Văn N chết năm 1955, mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Xuy.. chết năm 2013, cụ N và cụ Xuy.. sinh được hai người con là ông Lê Nguyên H và bà Lê Thị Thu H.

Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 địa chỉ phường M, thành phố PL diện tích 125,5m^2 có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị Xuy.. tại tờ bản đồ số 15 thửa đất số 8 diện tích 195m^2 (được thể hiện trong bản đồ xã Liêm C, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam). Do đo đạc năm 1989 nên đứng tên ông Lê Nguyên H, đến năm 1995 do giải tỏa làm đường nên cấp tạm 55m^2 và sau đó cụ Xuy.., ông H, bà X san lấp và được cấp thêm 70m^2 và có làm ba gian nhà cấp 4 trên đó. Đến năm 2001 ông H hợp lý hóa thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 địa chỉ phường M, thành phố PL.

Năm 2005 ông H chết không để lại di chúc. Năm 2006 bà X tự ý làm thủ tục sang tên bà Bùi Thị X tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 địa chỉ phường M, thành phố PL là 125,5m^2 và được UBND thành phố PL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL709611 ngày 03/7/2006. Khi cụ Xuy.. còn sống cụ Xuy.. vẫn đi nộp tiền thuế đất ở hàng năm.

Nay chị Th kiện chia di sản thừa kế của ông H để lại, bà có quan điểm: Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL709611 ngày 03/7/2006 được cấp cho bà X là sai thủ tục nên bà đã có đơn khiếu nại gửi cho UBND thành phố PL nhưng UBND thành phố PL chưa có văn bản trả lời do đó bà đề nghị đợi văn bản trả lời của UBND thành phố PL mới có căn cứ để chia di sản thừa kế.

Bà có quan điểm nếu đất cấp đúng thì đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật và bà xin hưởng bằng đất.

- Ý kiến của anh Đỗ Trung K và chị Nguyễn T.Tha..: Đầu năm 2021, anh K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 220, tờ bản đố số 6, diện tích 125,5m^2 mang tên bà Bùi Thị X.Việc mua bán giữa vợ chồng anh chị với bà Bùi Thị X là hoàn toàn tự nguyện, đã lập hợp đồng công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê L tỉnh Hà Nam vào ngày 04/01/2021. Sau khi ký hợp đồng, anh K, chị Tha.. mới biết thửa đất này chưa được chia thừa kế cho nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Nay chị Th đề nghị chia thừa kế đối với 1/2 diện tích đất 55m^2 tại thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 địa chỉ tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam theo quy định của pháp luật, vợ chồng anh K chị Tha.. và bà Bùi Thị X sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/01/2021 tại Văn phòng Công chứng Lê L và giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng này. Nếu không thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng bằng một vụ án khác.

Quan điểm của UBND thành phố PL: Về nguồn gốc thửa đất số 220 tờ bản đố số 6 diện tích 125,5m^2 mang tên bà Bùi Thị X địa chỉ tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là của hộ ông Lê Nguyên H được UBND thị xã Phủ Lý giao đất để làm nhà ngày 07/6/2000 theo Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 21/4/2000 của UBND tỉnh Hà Nam "về việc giao đất đền bù lại cho hộ dân làm nhà ở do xây dựng đường Quy Lưu, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam" tại thửa đất số 9 tờ bản đồ số 15 diện tích 55m^2. Theo bản đồ hiện trạng năm 2001 thửa đất trên mang tên ông Lê Nguyên H. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/6/2006 bà X đã đến UBND phường M đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 220 tờ bản đố số 6 diện tích 125,5m^2 mang tên bà Bùi Thị X địa chỉ tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Thực hiện kế hoạch số 566/KH-UB ngày 05/8/2003 của UBND tỉnh Hà Nam, UBND phường M đã lên phương án xử lý trong đó có hộ bà Bùi Thị X (về

xử lý hành chính bà X phải nộp tiền xử lý đất đối với phần diện tích đất tăng 70,5m^2 tại thửa 220 tờ bản đố số 6 diện tích 125,5m^{2}là 7.050.000đ). UBND phường M đã niêm yết phương án 15 ngày theo quy định và không nhận được ý kiến nào.

Ngày 03/7/2006 UBND thị xã Phủ Lý (nay là UBND thành phố PL) đã phê duyệt phương án xử lý các trường hợp sử dụng đất hợp pháp trên địa bàn phường M trong đó có hộ bà Bùi Thị X theo quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 03/7/2006. Cùng ngày UBND thị xã Phủ Lý đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị X diện tích là 125,5m^2 đất tại thửa đất số 220 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Do đó việc UBND thành phố PL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị X ngày 03/7/2006 diện tích đất ở 125,5m^2 tại tờ bản đồ số 6 thửa đất số 220 là đúng quy định pháp luật. UBND thành phố PL đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Văn phòng Công chứng Lê L: Tháng 01/2021 Văn phòng Công chứng Lê L có tiếp nhận phiếu yêu cầu công chứng của bà Bùi Thị X và ông Đỗ Trung K về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 220 tờ bản đồ 6 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam diện tích 125,5m^2 đã được UBND thị xã Phủ Lý tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL709611 ngày 03/7/2006. Sau khi kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ xét thấy đủ điều kiện để giao dịch chuyển nhượng, bà X và ông K có đầy đủ hành vi dân sự, có các giấy tờ hợp pháp, tự nguyện ký và nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Văn phòng Công chứng Lê L đã thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị X và ông Đỗ Trung K theo quy định pháp luật. Do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Công chứng viên Lê Thị Li..: Ngày 04/01/2021, công chứng viên Lê Thị Li.. đã thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị X và ông Đỗ Trung K theo quy định pháp luật. Bà X và ông K chủ động cung cấp các thông tin, giấy tờ theo yêu cầu của hoạt động công chứng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch; các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đồng ý tự nguyện ký, điểm chỉ vào nội dung hợp đồng. Công chứng viên Lê Thị Li.. đã kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và tại thời điểm công chứng không nhận được khiếu nại, ý kiến khác. Công chứng viên Lê Thị Li.. đã thực hiện công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

UBND phường M cung cấp: Thửa đất số 220 tờ bản đồ 6 diện tích 125,5m^2 mang tên bà Bùi Thị X, địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam

có nguồn gốc như sau: Theo biên bản giao đất ngày 07/6/2000 của UBND thị xã Phủ Lý giao cho hộ ông Lê Nguyên H 55m^2 đất làm nhà ở theo quyết định số 334 ngày 21/4/2000 của UBND tỉnh Hà Nam. Những người trong hộ gia đình gồm ông H, bà X và các con đẻ cùng huyết thống.

Năm 2006 theo quyết định số 177 ngày 03/7/2006 của UBND thị xã Phủ Lý phê duyệt phương án xử lý đất cho các hộ gia đình trên địa bàn phường Minh Khai, trong đó có nhà bà Bùi Thị X thu tiền xử lý sử dụng đất loại hình tăng diện tích đất đối với 70,5m^2, số tiền bà X đã nộp là 7.050.000đ theo biên lai thu tiền số AH/03/0019245 ngày 17/02/2009.

Đến ngày 03/7/2006 bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 220, tờ bản số 6, diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam mang tên bà Bùi Thị X.

UBND phường Liêm Chính cung cấp: Thửa đất số 220, tờ bản số 6, diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam mang tên bà Bùi Thị X có nguồn gốc là thửa đất số 08 tờ bản đồ số 15 diện tích 195m^2 địa chỉ xã Liêm C (nay là phường Liêm Chính), thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.Theo bản đồ đo đạc năm 1988 gia đình ông Lê Nguyên H sử dụng thửa đất số 08 tờ bản đồ 15, loại đất ở nhưng trong sổ mục kê thể hiện chủ sở hữu là UBND xã Liêm C. Sau đó thửa đất trên bị thu hồi để làm đường Quy Lưu, tuy nhiên việc đền bù theo biên bản giao đất ngày 07/6/2000 của UBND thị xã Phủ Lý cho hộ ông Lê Nguyên H như thế nào thì Ủy ban không nắm được và không có hồ sơ để cung cấp.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 03/8/2021:

Về đất ở: Giá trị thửa đất: 125,5m^2 x 60.000.000đ/m^2 = 7.530.000.000đ.

Về tài sản trên đất: 01 nhà khung cốt thép 02 tầng, mái lợp tôn, móng, gạch nền lát gạch hoa liên doanh, cửa khung nhôm kính, cửa cuốn; kích thước: 6,95m x14,86m =103m^2 x 3.105.000đ x 1,15 x 0,7 = 257.451.000đ. Giá trị nhà 2 tầng: 257.451.000 x 2 = 514.902.000đ. Bán mái gồm bếp và công trình phụ; kích thước 5,35 m x 5,15m = 27,5m^2 x 1.268.000đ x 1,15 x 0,7 = 28.070.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất: 542.972.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 184; Điều 185; Điều 186; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các điều 149, 213, 219, 611, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 29 Điều 3; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu Th chia di sản của ông Lê Nguyên H, cụ Nguyễn Thị Xuy.. và anh Lê Văn T.. theo pháp luật.

2/ Công nhận 55m^2 đất tại thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là sở hữu chung của 07 người gồm: cụ Nguyễn Thị Xuy.., ông Lê Nguyên H, bà Bùi Thị X, anh Lê Quang Tr, anh Lê Trung D và chị Lê Thị Thu Th, Lê Văn T... Mỗi người hưởng 7,86m^2 đất có giá trị tài sản là 471.428.571đ *(bốn trăm bảy mốt triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)*.

3/ Xác định thời điểm chết của anh Lê Văn T.. là năm 2002. Di sản để lại có giá trị là 471.428.571đ *(bốn trăm bảy mốt triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng),*chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông H và bà X mỗi người được hưởng 235.714.285đ *(hai trăm ba lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng)*.

4/ Xác định thời điểm ông H chết năm 2005 giá trị di sản để lại là 707.142.856đ, trong đó:471.428.571đ (là sở hữu chung của 55m^2 đất) và 235.714.285đ (một kỷ phần di sản hưởng từ anh Thành).

Được chia đều cho 05 người gồm: cụ Nguyễn Thị Xuy.., bà Bùi Thị X, anh Lê Quang Tr, anh Lê Trung D và chị Lê Thị Thu Th, mỗi người được hưởng 141.428.571đ *(một trăm bốn mốt triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng).*

5/ Xác định thời điểm cụ Nguyễn Thị Xuy.. chết năm 2013 giá trị di sản để lại là 612.857.142đ *(sáu trăm mười hai triệu tám trăm năm bảy nghìn một trăm bốn hai đồng)*, trong đó: 471.428.571đ (là sở hữu chung của 55m^2 đất) và 141.428.571đ (là một kỷ phần thừa kế từ ông H).

Anh Lê Quang Tr, anh Lê Trung D và chị Lê Thị Thu Th mỗi người được hưởng là 102.142.857đ *(một trăm linh hai triệu một trăm bốn hai nghìn tám trăm năm bảy đồng)*.

Bà Lê Thị Thu H (hưởng theo pháp luật) là: 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng).*

6/ Xác định bà X được hưởng tổng giá trị di sản thừa kế là: 377.142.856đ *(ba trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bốn hai nghìn tám trăm năm sáu đồng)*, trong đó hưởng theo pháp luật từ ông H là 141.428.571; hưởng từ anh Thành là 235.714.285đ.

- Xác định anh Tr, anh D, chị Th mỗi người được hưởng di sản thừa kế là 243.571.428đ *(hai trăm bốn ba triệu năm trăm bảy mốt đồng bốn trăm hai tám nghìn)*, trong đó hưởng thừa kế của ông H là 141.428.571, hưởng thừa kế thế vị từ cụ Xuy.. là 102.142.857đ.

- Xác định bà H được hưởng giá trị di sản thừa kế là 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)*(1/2 giá trị di sản của cụ Xuy..).

7/ Giao cho bà Bùi Thị X được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

Thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam có tổng giá trị là **8.072.972.000đ**. Trong đó: đất ở: 7.530.000.000đ, tài sản trên đất: 542.972.000đ.

*** Trong đó giá trị tài sản riêng của bà X:**

+ Tại thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là 70,5m^2 x 60.000.000đ = 4.230.000.000đ.

+ Giá trị tài sản trên đất 542.972.000đ.

+ Sở hữu chung của 7,86m^2 đất là 471.428.571đ.

+ Phần hưởng di sản thừa kế là 377.142.856đ.

* Bà phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Th, anh Tr, anh D mỗi người là 714.999.999đ *(bảy trăm mười bốn triệu chín trăm chín chín nghìn chín trăm chín chín đồng)*.

+ Trả cho bà Hà là 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)*.

8/ Chị Th, anh Tr, anh D mỗi người được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ bà X là 714.999.999đ *(bảy trăm mười bốn triệu chín trăm chín chín nghìn chín trăm chín chín đồng)*.

Bà Hà được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ bà X là 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng).*

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/11/2021, bị đơn bà Bùi Thị X kháng cáo Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết: Xác định 55m^2 đất mà cấp sơ thẩm chia thừa kế là tài sản chung của vợ, chồng bà không phải là tài sản của hộ gia đình (7 người); chia lại di sản của chồng và mẹ chồng bà theo quy định của pháp luật. Ngày 21/11/2021, bà X có đơn xin rút kháng cáo; nhất trí với Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

Ngày 24, 29/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết các nội dung: Truy xét lại nguồn gốc đất của cụ Xuy.. từ năm 78-88 ở xã Liêm C, truy xét nguồn gốc đất của ông H từ năm 1988-2005; 70m^2 trong thửa đất 125,5m^2 đã hoàn chỉnh năm 2001 trong sổ địa chính, hồ sơ kỹ thuật, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL709611 tên Lê Nguyên H; ông H chết 2005 di sản để lại 3 nhà cấp 4 đang ở trên diện tích 125,5m^2 đề nghị chia theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất gồm: mẹ đẻ, vợ, con; đề nghị tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 220, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,5m^2 địa chỉ nhà số 125, đường Quy Lưu, tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của chị Nguyễn T.Tha..: Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/01/2021 tại Văn phòng Công chứng Lê L giữa anh Đỗ Trung K và bà Bùi Thị X, vợ chồng chị và bà Bùi Thị X đã thỏa thuận tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý theo hướng xác định diện tích 70,5m^2 đất được hợp pháp hóa năm 2006, trị giá 4.230.000 đồng thuộc quyền sử dụng chung của 05 thành viên hộ gia đình bà X, gồm cụ Xuy.., bà X, anh Tr, anh D và chị Th. Tuy nhiên, xem xét cho bà X về công sức san lấp, tạo lập, quản lý và số tiền 7.050.000 đồng mà bà X đã nộp để hợp pháp

hóa diện tích 70,5m^2 đất, với tổng số tiền là 430.000.000 đồng; sau khi trừ đi khoản này, mỗi người trong hộ bà X, trong đó có cụ Xuy.. được hưởng 1/5 giá trị của 70,5m^2 đất tương đương 760.000.000 đồng; phần của cụ Xuy.. được chia thừa kế theo pháp luật, bà Hà được hưởng 380.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Thu H trong thời hạn luật định, nội dung đảm bảo quy định tại Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự nên là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đối tượng tranh chấp là thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,5m^2 tại tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về áp dụng thời hiệu khởi kiện: Người để lại di sản là ông Lê Nguyên H chết năm 2005, cụ Nguyễn Thị Xuy.. chết năm 2013 và anh Lê Văn T.. chết năm 2002. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý năm 2021 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện Văn phòng Công chứng Lê L và Bà Lê Thị Li.. có đơn xin xét xử vắng mặt; đại diện theo pháp luật của UBND thành phố PL vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Bà Bùi Thị X đã rút toàn bộ kháng cáo khi chưa hết thời hạn kháng cáo nên được coi là không kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Thu H gồm:

- Về yêu cầu truy xét lại nguồn gốc đất của cụ Xuy.. từ năm 1978-1988 ở xã Liêm C: Xét thấy, theo bản đồ đo đạc năm 1988, gia đình ông Lê Nguyên H sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 195m^2, loại đất ở nhưng trong sổ mục kê thì chủ sử dụng đất trên là UBND xã Liêm C (nay là phường Liêm Chính). Tại biên bản nhận ruộng, đất do UBND xã Liêm C lập ngày 02/3/1989 thì ông Lê Nguyên H được giao 180m^2 đất. Năm 1997, diện tích đất

bị Nhà nước thu hồi làm đường Quy Lưu. Ngày 07/6/2000, UBND thị xã Phủ Lý giao đất đền bù, tái định cư cho hộ ông H với diện tích 55m^2 để làm nhà ở tại thửa số 09, tờ bản đồ số 15 xã Liêm C (nay là thửa số 220, tờ bản đồ số 6). Như vậy không có tài liệu nào chứng minh diện tích đất trên là của cụ Nguyễn Thị Xuy...

- Về yêu cầu truy xét nguồn gốc đất của ông H từ năm 1988 - 2005: Xét thấy, sau khi nhận 55m^2 đất đền bù, tái định cư, quá trình sinh sống hộ ông H đã san lấp vượt lập đất ao phía sau tăng thêm 70,5m^2 đất. Thực hiện Kế hoạch số 566/KH-UB ngày 5/8/2003 của UBND tỉnh Hà Nam, UBND phường M đã xây dựng phương án xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp trên địa bàn, trong đó có hộ bà Bùi Thị X, bà X đã nộp tiền sử dụng đất với phần diện tích tăng là 70,5m^2 tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,5m^2 với số tiền 7.050.000 đồng. Quá trình xây dựng phương án cấp GCNQSDĐ, UBND phường M đã niêm yết phương án 15 ngày theo quy định nhưng không nhận được ý kiến nào. Ngày 03/7/2006, UBND thị xã Phủ Lý đã cấp GCNQSDĐ thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,5m^2 đứng tên bà Bùi Thị X. Như vậy, việc UBND thị xã Phủ Lý cấp GCNQSDĐ mang tên bà Bùi Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy, phần diện tích tăng thêm 70,5m^2 tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 tại phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là tài sản riêng của bà Bùi Thị X như cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về yêu cầu xác định diện tích 70,5m^2 đất trong thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 tại phường M, thành phố PL; 3 nhà cấp 4 đang ở trên diện tích 125,5m^2 đề nghị chia theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất gồm mẹ đẻ, vợ, con ông H: Xét thấy, như đã phân tích ở phần trên, GCNQSDĐ AL709611 do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 03/7/2006 cho bà Bùi Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo Quyết định số 334/QĐ-UB ngày 21/4/2000 của UBND tỉnh Hà Nam "về việc giao đất đền bù lại cho hộ dân làm nhà ở do xây dựng đường Quy Lưu, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam" thì hộ ông Lê Nguyên H được giao 55m^2 đất để làm nhà ở tại thửa số 9 tờ bản đồ số 15 tại phường Minh Khai. Phần diện tích đất tăng thêm 70,5m^2 là do gia đình bà X vượt lập và sau khi ông H chết, bà X là người làm thủ tục, nộp tiền sử dụng đất nên đây là tài sản riêng của bà Bùi Thị X như cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

Đối với nhà cấp 4 hộ gia đình ông H xây trên thửa đất, năm 2017, do xuống cấp trầm trọng, bà X phá bỏ toàn bộ và xây dựng thành nhà 02 tầng như hiện nay. Việc xây dựng, tôn tạo là tiền và công sức của bà X. Các con của bà X đều xác nhận không có đóng góp gì. Đến nay, nhà cấp 4 không còn, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn không đề nghị gì đối với căn nhà này.

- Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ tại thửa số 220, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,5m^2 địa chỉ nhà số 125, đường Quy Lưu, tổ 6, phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, thấy: Như đã phân tích ở phần trên, GCNQSDĐ AL709611 do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 03/7/2006 cho bà Bùi Thị X là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu hủy GCNQSDĐ này của bà Hà không có căn cứ chấp nhận.

2.3. Quá trình giải quyết vụ án, bà H có yêu cầu:

- Về việc chờ kết quả trả lời của UBND thành phố PL về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X là sai thủ tục mới có căn cứ để chia di sản thừa kế.Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã thông báo cho bà biết UBND thành phố PL đã có Công văn số 868 ngày 08/7/2021 "về việc xem xét hồ sơ vụ kiện của UBND phường M ngày 18/11/2020", UBND thành phố PL đã ban hành thông báo số 1383/TB-UBND trả lời bà Lê Thị Thu H về việc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 6 địa chỉ phường M, thành phố PL đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà Hà nếu có yêu cầu xem xét các vấn đề về nguồn gốc thửa đất ngay trong vụ án này và các vấn đề khác liên quan đến thửa đất thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết cho bà nhưng bà H không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó yêu cầu của bà H không được HĐXX cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

- Bà H cho rằng khi cụ Xuy.. còn sống, cụ Xuy.. có đi nộp thuế đất đối với thửa đất số 8 tờ bản đồ 1, địa chỉ xã Liêm C, thành phố Phủ Lý nên bà cho rằng thửa đất có nguồn gốc của cụ Xuy... HĐXX cấp sơ thẩm nhận định những người ở trên thửa đất đều có nghĩa vụ nộp thuế đất hàng năm, do đó không chấp nhận ý kiến của bà là có cơ sở.

- Về nguyện vọng của bà H nếu như được hưởng phần thừa kế của cụ Xuy.. để lại thì bà xin hưởng bằng đất, HĐXX cấp sơ thẩm xác định về vị trí, kích thước của thửa đất không thể chia bằng hiện vật được, do đó không chấp nhận đề nghị này là có căn cứ.

Từ những phân tích và lập luận như trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị Thu H.

[3] Về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị X và anh Đỗ Trung K: Vợ chồng anh K, chị Tha.. và bà Bùi Thị X thỏa thuận tự giải quyết với nhau về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/01/2021 tại Văn phòng Công chứng Lê L và giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng này. Nếu không thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng bằng một vụ án khác. Đây là sự tự nguyện của các

đương sự nên HĐXX cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn T.Tha.. tiếp tục giữ quan điểm như ở cấp sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th đã thanh toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, HĐXX cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của chị Th, các đương sự khác không phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là có căn cứ.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí trên trị giá tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Thu H là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Thu H không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu H; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 184; Điều 185; Điều 186; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các điều 149, 213, 219, 611, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự; khoản 29 Điều 3; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu Th chia di sản của ông Lê Nguyên H, cụ Nguyễn Thị Xuy.. và anh Lê Văn T.. theo pháp luật.

2. Công nhận 55m^2 đất tại thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là sở hữu chung của 07 người gồm: cụ Nguyễn Thị Xuy.., ông Lê Nguyên H, bà Bùi Thị X, anh Lê Quang Tr, anh Lê Trung D và chị Lê Thị Thu Th, Lê Văn T... Mỗi người hưởng

7,86m^2 đất có giá trị tài sản là 471.428.571đ *(bốn trăm bảy mốt triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)*.

3. Xác định thời điểm chết của anh Lê Văn T.. là năm 2002. Di sản để lại có giá trị là 471.428.571đ *(bốn trăm bảy mốt triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng),*chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông H và bà X mỗi người được hưởng 235.714.285đ *(hai trăm ba lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm tám lăm đồng)*.

4. Xác định thời điểm ông H chết năm 2005 giá trị di sản để lại là 707.142.856đ, trong đó:471.428.571đ (là sở hữu chung của 55m^2 đất) và 235.714.285đ (một kỷ phần di sản hưởng từ anh Thành).

Được chia đều cho 05 người gồm: cụ Nguyễn Thị Xuy.., bà Bùi Thị X, anh Lê Quang Tr, anh Lê Trung D và chị Lê Thị Thu Th, mỗi người được hưởng 141.428.571đ *(một trăm bốn mốt triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng).*

5. Xác định thời điểm cụ Nguyễn Thị Xuy.. chết năm 2013 giá trị di sản để lại là 612.857.142đ *(sáu trăm mười hai triệu tám trăm năm bảy nghìn một trăm bốn hai đồng)*, trong đó: 471.428.571đ (là sở hữu chung của 55m^2 đất) và141.428.571đ (là một kỷ phần thừa kế từ ông H).

Anh Lê Quang Tr, anh Lê Trung D và chị Lê Thị Thu Th mỗi người được hưởng là 102.142.857đ *(một trăm linh hai triệu một trăm bốn hai nghìn tám trăm năm bảy đồng)*.

Bà Lê Thị Thu H (hưởng theo pháp luật) là: 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng).*

6. Xác định bà X được hưởng tổng giá trị di sản thừa kế là: 377.142.856đ *(ba trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bốn hai nghìn tám trăm năm sáu đồng)*, trong đó hưởng theo pháp luật từ ông H là 141.428.571đ; hưởng từ anh Thành là 235.714.285đ.

- Xác định anh Tr, anh D, chị Th mỗi người được hưởng di sản thừa kế là 243.571.428đ *(hai trăm bốn ba triệu năm trăm bảy mốt đồng bốn trăm hai tám nghìn)*, trong đó hưởng thừa kế của ông H là 141.428.571đ, hưởng thừa kế thế vị từ cụ Xuy.. là 102.142.857đ.

- Xác định bà Hà được hưởng giá trị di sản thừa kế là 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)* (1/2 giá trị di sản của cụ Xuy..).

7. Giao cho bà Bùi Thị X được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

Thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam có tổng giá trị là 8.072.972.000đ. Trong đó: đất ở: 7.530.000.000đ, tài sản trên đất: 542.972.000đ.

* Trong đó giá trị tài sản riêng của bà X:

+ Tại thửa đất số 220 tờ bản đồ số 6 diện tích 125,5m^2 địa chỉ phường M, thành phố PL, tỉnh Hà Nam là 70,5m^2 x 60.000.000đ = 4.230.000.000đ.

+ Giá trị tài sản trên đất 542.972.000đ.

+ Sở hữu chung của 7,86m^2 đất là 471.428.571đ.

+ Phần hưởng di sản thừa kế là 377.142.856đ.

* Bà phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Th, anh Tr, anh D mỗi người là 714.999.999đ *(bảy trăm mười bốn triệu chín trăm chín chín nghìn chín trăm chín chín đồng)*.

+ Trả cho bà H là 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)*.

8. Chị Th, anh Tr, anh D mỗi người được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ bà X là 714.999.999đ *(bảy trăm mười bốn triệu chín trăm chín chín nghìn chín trăm chín chín đồng)*.

Bà H được nhận tiền thanh toán chênh lệch tài sản từ bà X là 306.428.571đ *(ba trăm linh sáu triệu bốn trăm hai tám nghìn năm trăm bảy mốt đồng)*.

9. Bác yêu cầu khác của các đương sự.

10. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Lê Thị Thu Th tự nguyện thanh toán đầy đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo biên bản quyết toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 10/9/2021.

11. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Th, anh Tr, anh D mỗi người phải nộp là 12.178.571đ làm tròn là 12.178.000đ *(mười hai triệu một trăm bảy tám nghìn đồng)*. Theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2015/0004793 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý chị Th phải nộp thêm 9.178.000đ *(chín triệu một trăm bảy tám nghìn đồng)*.

- Bà X phải nộp là 18.857.142đ làm tròn là 18.857.000đ *(mười tám triệu tám trăm năm bảy nghìn đồng)*.

- Bà H phải nộp là: 15.321.428đ làm tròn là 15.321.000đ *(mười lăm triệu ba trăm hai mốt nghìn đồng)*.

Miễn toàn bộ án phí cho bà H.

12. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải nộp.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà X là người quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó bà phải có trách nhiệm nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL709611 ngày 03/7/2006 cho cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên bà (nếu cần), ngoài ra bà được Tòa án giao đất nên bà phải đến các cơ quan có thẩm quyền về đất để làm thủ tục nếu có biến động về đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường M, thành phố PL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải